

Thị trường bất ngờ hồi phục nhẹ với thanh khoản giảm mạnh

Các chỉ số và phần nhiều cổ phiếu lớn chịu áp lực giảm trong hầu hết phiên giao dịch nhưng lực cầu đã quay lại mua trong phiên giao dịch chiều khi lực cung không thực sự mạnh giúp cho nhiều cổ phiếu lớn và các chỉ số bật tăng nhẹ trở lại. VNIndex mở cửa giảm hơn 5 điểm, VN30 giảm gần 10 điểm và đây cũng là mức giảm sâu nhất phiên sau đó các chỉ số này hồi phục dần đều tới cuối phiên và bất ngờ bật lên xanh nhẹ trở lại ở thời điểm gần cuối phiên giao dịch. VNIndex đóng cửa ở 918.12 điểm tăng 3.83 điểm và VN30 đóng cửa ở 888.2 điểm tăng 2.55 điểm với thanh khoản toàn thị trường sụt khá mạnh khi chỉ còn 2.700 tỷ đồng khi loại bỏ giao dịch thỏa thuận

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn tác động tích cực tới phiên tăng điểm hôm nay như SAB; GAS; BID; BVH; VCB; PLX; NVL và ở chiều giảm VNM; MSN; HDB; CTG; VJC; STB..gây áp lực nhẹ kim hãm đà tăng. Nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng hầu hết vẫn giảm điểm nhẹ như CTG; MBB; STB; HDB; EIB; TCB trong khi BID; VCB; TPB; VPB tăng nhẹ và ACB; SHB; LPB đóng cửa ở tham chiếu. Nhóm cổ phiếu chứng khoán đồng thuận hồi phục dẫn đầu là HCM +4.6%; SSI +1.8%; VND +1.7%; VCI +1.5%; SHS +1.5%. Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí cũng hồi phục dẫn đầu là PVS +6.2%; PVD +3.8%; PVB +3.4%; GAS +1.7%; PLX +1.4%; BSR +1.3%....Một số cổ phiếu vốn hóa nhỏ và tầm trung tăng tích cực như ANV +7%; TNG +4%; CEO +4%; NTC +3.9%; VHC +3.5%; TCM +2.8%....Nhìn chung số lượng cổ phiếu giảm giá vẫn chiếm đa số và các cổ phiếu vốn hóa lớn như SAB; GAS; BID là động lực chính cho phiên tăng điểm hôm nay về mặt chỉ số nhưng điều thị trường cần lúc này là các phiên tăng điểm cùng thanh khoản cải thiện cho thấy dòng tiền tự tin quay trở lại

Khối nhà đầu tư ngoại giao dịch ở quy mô thấp so với trung bình và khối này bán ròng hơn 210 tỷ đồng trên sàn HOSE chủ yếu tập trung vào giao dịch thỏa thuận bán ròng 2.3 triệu cổ phiếu VIC. Ngoài ra, các cổ phiếu như HPG; GAS; MSN; NVL; PVD; HDB; CTG; ...chịu áp lực bán ròng nhẹ. Ở chiều ngược lại khối này mua ròng SBT; GMD; SSI; VCB; VHC; VRE; KBC; ...

Nhìn chung các chỉ số và nhiều cổ phiếu lớn trở nên bớt tiêu cực hơn khi hồi phục trở lại phiên hôm nay với nhiều cổ phiếu có cơ hội tạo được đáy W. Tuy nhiên, thanh khoản vẫn ở mức rất thấp trong các phiên tăng điểm và chưa thay đổi nhiều trạng thái ngắn hạn so với các phiên trước đây. Chúng tôi vẫn lo ngại các rủi ro ngắn hạn đến từ thị trường tài chính quốc tế và đặc biệt là sức ép từ đồng Đôla vẫn đang mạnh lên thể hiện qua chỉ số USD Index khi đã vượt đỉnh tạo ra mức cao mới của năm nay lên mức 97.5 điểm cơ bản. Do đó, chúng tôi vẫn dự phòng cho một kịch bản thận trọng hơn với vùng mua nằm ở 885 hoặc thậm chí thấp hơn như 850 điểm của VNIndex để có phần bù rủi ro tương xứng với bối cảnh rủi ro của thị trường trong giai đoạn hiện tại.

Thông kê	HOSE	HNX
Đóng cửa	918.1	103.4
% Thay đổi	0.42	0.35
Khối lượng	125.0	31.5
Giá trị (tỷ đồng)	2,704.4	405.1
Số mã tăng	121	70
Số mã giảm	161	69
Không thay đổi	87	234

Hàng hóa & Tiền tệ	Giá đóng cửa	%chg
Gold(USD/Oz)	1,206	-0.26
WTI Oil (\$/B) 1Mth	61	0.76
Brent Oil (\$/B) 1Mth	71	0.87
USDVND	23,298	0.03
EURVND	26,228	0.72

Nguồn: Bloomberg

VNINDEX



HNX-INDEX



Nhóm ngành (VNIndex)	Tỷ trọng Index (%)	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x
Tiêu dùng thiết yếu	2.88	1.69%	15.05	3.63
Thực phẩm và đồ uống	18.72	0.83%	24.67	6.66
Năng lượng	3.01	1.42%	22.61	2.97
Tài chính	26.50	0.41%	16.38	2.32
Y tế	1.01	-0.84%	18.45	2.96
Công nghiệp	7.90	-0.58%	16.93	3.52
Công nghệ thông tin	0.97	1.68%	8.43	2.04
Vật liệu và hóa chất	4.67	-0.04%	11.13	1.69
Bất động sản	26.08	0.03%	48.95	3.82
Dịch vụ tiện ích	7.71	1.37%	14.08	3.81

HOSE					
Tăng mạnh nhất					VND
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
DTT	10,400	680	7.0	20	0.002
ANV	29,850	1,950	7.0	685,800	0.076
ACL	36,900	2,400	7.0	141,600	0.017
NAV	6,920	450	7.0	50	0.001
VPK	3,850	250	6.9	16,740	0.001

Giảm mạnh nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
UDC	5,580	-420	-7.0	40,360	-0.005
HAI	2,530	-190	-7.0	3.81MLN	-0.011
VNL	16,650	-1,250	-7.0	10	-0.004
DCL	10,000	-750	-7.0	51,080	-0.013
DTA	6,800	-510	-7.0	50	-0.003

HOSE					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng					VND
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
SAB	233,000	7,100	3.1	50,480	1.420
GAS	96,600	1,600	1.7	438,100	0.955
BID	32,200	500	1.6	1.33MLN	0.533
BVH	97,600	1,900	2.0	88,770	0.415
MWG	110,000	4,000	3.8	304,040	0.403

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
VJC	129,200	-1,700	-1.3	457,730	-0.287
MSN	83,600	-700	-0.8	241,050	-0.254
HDB	32,000	-800	-2.4	1.84MLN	-0.245
CTG	22,450	-150	-0.7	2.37MLN	-0.174
EIB	13,400	-250	-1.8	123,790	-0.096

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
VPB	20,450	100	0.5	5.84MLN	0.077
FLC	5,600	-190	-3.3	5.55MLN	-0.042
STB	12,200	-150	-1.2	4.62MLN	-0.088
ASM	10,650	-150	-1.4	4.05MLN	-0.011
HAI	2,530	-190	-7.0	3.81MLN	-0.011

Thị trường Khu vực	Giá đóng cửa	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x	Vốn hóa Tỷ US\$
China	3,205.1	1.19%	11.82	1.52	3,608.6
India	10,515.4	-0.66%	21.67	3.05	1,059.9
Indonesia	5,777.1	-1.65%	17.58	2.14	449.7
Laos	826.8	-0.21%	4.79	0.29	1.1
Malaysia	1,696.1	-0.70%	18.02	1.78	255.8
Philippines	6,926.2	-0.61%	17.71	1.90	164.9
Taiwan	9,831.2	0.01%	13.11	1.57	906.3
Thailand	1,659.3	-0.55%	15.32	1.92	513.0
Vietnam	918.1	0.42%	16.10	2.49	126.1

HNX					
Tăng mạnh nhất					VND
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
ITQ	4,400	400	10.0	828,800	0.000
RCL	21,000	1,900	10.0	100	0.000
KTS	15,500	1,400	9.9	100	0.000
BTW	13,300	1,200	9.9	100	0.000
BDB	8,900	800	9.9	100	0.000

Giảm mạnh nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
PVV	600	-100	-14.3	32,100	0.000
SPI	800	-100	-11.1	245,500	0.000
DCS	900	-100	-10.0	36,400	0.000
PSE	7,200	-800	-10.0	100	0.000
ARM	47,000	-5,200	-10.0	500	0.000

HNX					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng					VND
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
PVS	18,900	1,100	6.2	5.82MLN	0.269
CEO	13,100	500	4.0	1.27MLN	0.051
VIX	9,700	400	4.3	121,680	0.025
TNG	18,100	700	4.0	883,044	0.025
HGM	43,400	3,900	9.9	100	0.023

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
PGS	31,000	-1,000	-3.1	300	-0.033
HUT	4,300	-100	-2.3	1.52MLN	-0.021
SJE	24,500	-2,300	-8.6	320	-0.019
KLF	2,000	-100	-4.8	511,793	-0.017
SJ1	14,000	-1,500	-9.7	300	-0.012

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
PVS	18,900	1,100	6.2	5.82MLN	0.269
SHB	7,500	0	0.0	3.02MLN	0.000
NVB	9,800	0	0.0	2.54MLN	0.000
ACB	28,700	0	0.0	1.84MLN	0.000
HUT	4,300	-100	-2.3	1.52MLN	-0.021

Nguồn: Bloomberg 12/11/18

TIN VĨ MÔ

Quốc hội chính thức thông qua CPTPP - Với 469 phiếu tán thành, tương đương 96,7%, Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa 14 đã biểu quyết chính thức thông qua Nghị quyết phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) cùng các văn kiện liên quan chiều nay 12/11. Sau khi Quốc hội chính thức thông qua, Hiệp định CPTPP sẽ có hiệu lực thực hiện tại từ ngày 30/12. CPTPP về cơ bản giữ nguyên nội dung của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) nhưng cho phép các nước thành viên tạm hoãn thực thi 20 nhóm nghĩa vụ được coi là có mức độ cam kết cao để bảo đảm sự cân bằng về quyền lợi và nghĩa vụ của các nước thành viên còn lại trong bối cảnh Mỹ rút khỏi Hiệp định TPP. Về mặt kinh tế, thị trường của các nước tham gia CPTPP có quy mô lớn với GDP của cả khối chiếm 13,5% GDP toàn cầu, bao gồm Nhật Bản là nền kinh tế lớn thứ ba trên thế giới. Điều này được cho là có lợi với Việt Nam.

TIN NGÀNH

OPEC+ có thể giảm sản lượng cung dầu trong năm 2019 - Mặc dù có dấu hiệu cho thấy nguồn cung tại Mỹ đang dư thừa, vẫn còn quá sớm để OPEC+ bàn về việc hợp tác giảm sản lượng vào thời điểm hiện tại. Tuy nhiên, Arab Saudi sẽ giảm xuất khẩu dầu trong tháng 12. Tổ chức các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và đồng minh đánh tin hiệu có thể giảm nguồn cung dầu trong năm 2019 trong bối cảnh giá dầu đã giảm 5 tuần liên tiếp. "Hội đồng đã xem xét lại tình hình cung - cầu dầu hiện nay và đưa ra lưu ý rằng tăng trưởng nguồn cung dầu năm 2019 có thể cao hơn nhu cầu tối thiểu của thị trường. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại cũng có thể khiến khoảng cách cung - cầu dầu tăng mạnh", theo thông cáo báo chí của tổ chức. Theo một số nguồn tin của Reuters, Arab Saudi đang thảo luận về đề xuất OPEC+ sẽ giảm khoảng 1 triệu thùng/ngày trong năm tới.

TIN DOANH NGHIỆP

MSN - Nhóm quỹ từ Singapore mua thêm hơn 27 triệu cổ phiếu - Arnolis Investment Pte.Ltd - Quỹ đầu tư thuộc Chính phủ Singapore đã mua thêm 27,4 triệu cổ phiếu CTCP Tập đoàn Masan (HoSE: MSN) vào ngày 1/11, nâng sở hữu lên gần 52 triệu cổ phiếu, ứng với tỷ lệ 4,47% vốn. Trước giao dịch, đơn vị khác là Government of Singapore đang sở hữu 51,2 triệu cổ phiếu MSN, tỷ lệ 4,4%. Như vậy, tổng sở hữu của nhóm quỹ ngoại này là hơn 103 triệu cổ phiếu, tương đương tỷ lệ nắm giữ 8,87% vốn.

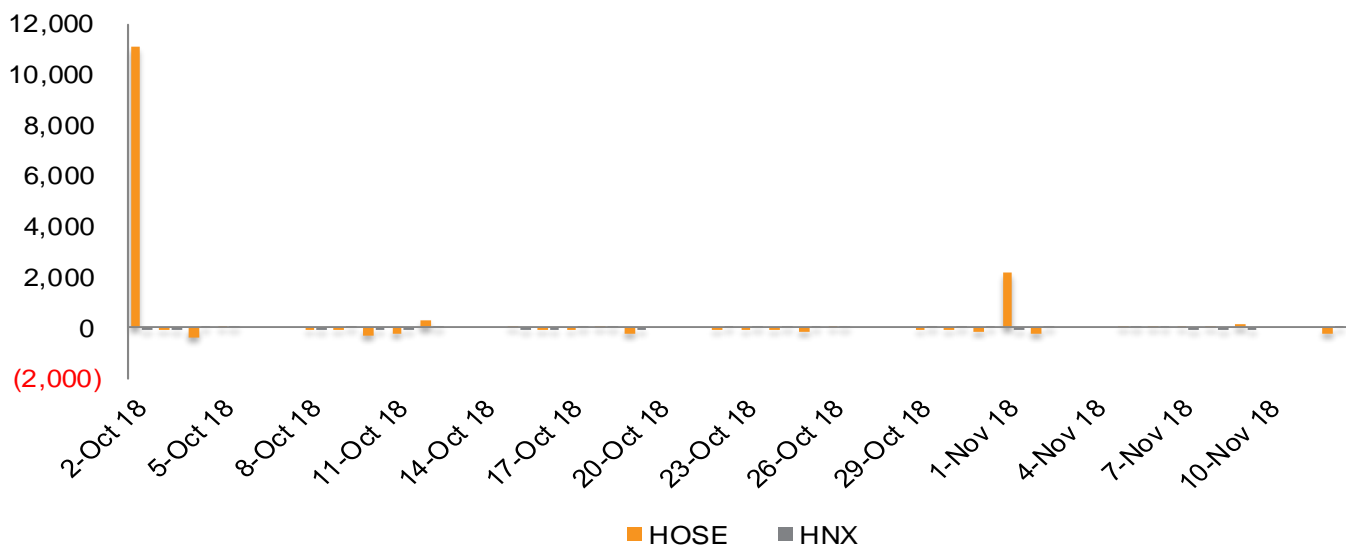
SBT - Đầu tư Thành Thành Công đăng ký mua 45 triệu - CTCP Đầu tư Thành Thành Công đăng ký mua 45 triệu cổ phiếu SBT của CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa. Công ty Đầu tư TTC do bà Đặng Huỳnh Ước My làm Chủ tịch HĐQT. Đồng thời, bà My cũng là Thành viên HĐQT của SBT. Hiện, Đầu tư TTC nắm hơn 123 triệu cổ phiếu SBT, tỷ lệ 24,93%. Nếu giao dịch thành công, Đầu tư TTC sẽ nâng tỷ lệ sở hữu lên 34,01%. Thời gian thực hiện giao dịch từ ngày 15/11 đến ngày 14/12.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

KLGD (triệu CP)	HOSE	HNX	GTGD (Tỷ đồng)	HOSE	HNX
MUA	8.6	2.9	MUA	288.3	47.0
% of market	7.1%	7.4%	% of market	11.8%	10.7%
BÁN	10.1	1.0	BÁN	523.8	16.7
% of market	8.3%	2.5%	% of market	21.5%	3.8%
MUA (BÁN) RÒNG	(1.46)	1.9	MUA (BÁN) RÒNG	(235.5)	30.3

Nguồn: HSX, HNX

Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)



LŨY KẾ 2018

KLGD (triệu CP)	HOSE	HNX	GTGD (Tỷ đồng)	HOSE	HNX
MUA	4,187.2	395.7	MUA	242,553.3	7,257.2
% of market	9.6%	3.4%	% of market	20.1%	4.3%
BÁN	3,832.1	434.1	BÁN	201,109.5	7,990.4
% of market	8.8%	3.7%	% of market	16.6%	4.8%
MUA (BÁN) RÒNG	355.0	(38.4)	MUA (BÁN) RÒNG	41,444	(733.2)

Nguồn: HSX, HNX

GIAO DỊCH KHÓI NGOÀI

HOSE					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
HPG	37,550	-50	-0.13	33.3	-0.033
VNM	117,000	0	0.00	26.1	0.000
VIC	95,900	0	0.00	25.2	0.000
SSI	28,300	500	1.80	19.5	0.078
SAB	233,000	7,100	3.14	16.0	1.420

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
VIC	95,900	0	0.00	252.2	0.000	
HPG	37,550	-50	-0.13	51.6	-0.033	
VNM	117,000	0	0.00	29.9	0.000	
HDB	32,000	-800	-2.44	20.5	-0.245	
PVD	16,300	600	3.82	15.3	0.072	

Top mua ròng						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
SBT	22,550	200	0.89	13.3	0.035	
GMD	28,150	450	1.62	12.8	0.042	
SSI	28,300	500	1.80	7.9	0.078	
VCB	54,600	300	0.55	6.4	0.337	
KBC	12,450	200	1.63	5.0	0.030	

Top bán ròng						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
VIC	95,900	0	0.00	-227.0	0.000	
HPG	37,550	-50	-0.13	-18.2	-0.033	
PVD	16,300	600	3.82	-15.3	0.072	
GAS	96,600	1,600	1.68	-11.4	0.955	
VJC	129,200	-1,700	-1.30	-8.0	-0.287	

HNX					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
PVS	18,900	4,400	6.18	35.5	0.000
CEO	13,100	500	3.97	7.4	0.000
PVC	6,500	500	8.33	0.9	0.000
SRA	53,000	2,100	4.13	0.9	0.000
AMV	36,000	800	2.27	0.7	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
PVS	18,900	1,100	6.18	14.8	0.000	
PVB	18,200	600	3.41	0.6	0.000	
PVC	6,500	500	8.33	0.4	0.000	
DP3	84,200	3,200	3.95	0.2	0.000	
AMV	36,000	800	2.27	0.1	0.000	

Top mua ròng						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
PVS	18,900	1,100	6.18	20.6	0.000	
CEO	13,100	500	3.97	7.3	0.000	
SRA	53,000	2,100	4.13	0.9	0.000	
VIX	9,700	400	4.30	0.6	0.000	
AMV	36,000	800	2.27	0.5	0.000	

Top bán ròng						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
PVB	18,200	600	3.41	-0.62	0.000	
DP3	84,200	3,200	3.95	-0.16	0.000	
VCS	74,800	-200	-0.27	-0.15	0.000	
HJS	23,500	500	2.17	-0.02	0.000	
KSD	6,000	0	0.00	-0.02	0.000	

12/11/2018

Nguồn Bloomberg, HOSE, HNX

TOP 60 Cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên HOSE

CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá			Vốn hóa Tỷ đồng	SCP triệu CP	Freefloat %	% Room Khối ngoại	KLGDBQ 30 ngày	P/E x	P/B x	ROE %	ROA %
		1 tháng	1 tháng	6 tháng									
1 VIC	95,900	-0.1	-8.0	-6.4	306,076	3,192	57.6	32.3	1,001,198	70.2	5.6	10.3	1.7
2 VHM	76,000	-1.3	-11.1	N/A	254,563	3,350	30.3	33.5	506,659	40.4	2.8	N/A	N/A
3 VNM	117,000	-8.9	-10.7	-21.1	203,747	1,741	46.2	41.2	833,033	23.4	8.0	35.2	29.5
4 VCB	54,600	-8.8	-14.0	-5.7	196,438	3,598	22.9	9.2	1,379,454	16.2	3.2	20.9	1.3
5 GAS	96,600	-19.4	-2.1	-13.1	184,888	1,914	4.2	45.5	458,105	14.9	4.4	30.6	20.8
6 SAB	233,000	4.7	11.5	-1.3	149,419	641	10.4	39.2	36,515	33.8	9.0	28.5	20.3
7 BID	32,200	-4.7	7.7	-5.3	110,083	3,419	4.4	27.2	2,660,114	13.4	2.2	17.4	0.7
8 MSN	83,600	2.8	-6.1	-11.0	97,239	1,163	34.3	8.7	1,151,940	15.4	5.0	30.9	8.7
9 TCB	26,300	-8.4	-3.3	N/A	91,960	3,497	81.8	0.0	1,876,576	9.3	1.9	25.4	3.2
10 CTG	22,450	-11.6	-7.4	-23.6	83,590	3,723	15.8	0.0	4,020,561	10.9	1.2	11.7	0.7
11 HPG	37,550	-8.0	1.5	-5.6	79,753	2,124	55.8	9.5	5,371,259	8.7	2.1	26.7	15.5
12 VRE	30,900	-0.5	-5.8	-17.2	71,961	2,329	100.0	17.6	1,789,215	47.9	2.8	5.7	5.6
13 VJC	129,200	-8.4	-15.2	-18.4	69,976	542	53.2	6.1	732,105	13.7	6.6	67.1	19.7
14 BVH	97,600	7.3	15.5	3.8	68,407	701	31.2	24.2	94,840	56.5	4.7	8.4	1.3
15 PLX	57,800	-10.0	-9.5	-9.7	66,979	1,159	6.3	9.0	656,975	17.6	3.4	19.5	6.2
16 NVL	70,700	4.0	8.8	27.4	64,157	907	31.1	41.6	513,108	29.9	3.7	14.2	3.8
17 VPB	20,450	-15.7	-23.7	-36.0	50,241	2,457	74.0	0.0	3,963,346	7.3	1.7	26.9	2.5
18 MBB	20,800	-4.6	-10.5	-19.0	44,937	2,160	61.1	0.0	5,895,634	8.8	1.4	17.4	1.6
19 MWG	110,000	-13.7	-4.7	6.8	35,512	323	85.2	0.0	576,680	12.7	4.4	41.2	13.1
20 HDB	32,000	-12.3	-13.7	-22.7	31,392	981	72.7	2.9	1,874,139	16.3	2.2	14.9	1.0
21 FPT	41,950	-4.2	-2.7	-18.9	25,739	614	81.7	0.0	648,097	7.9	2.2	28.9	11.3
22 STB	12,200	-6.5	8.4	-6.9	22,005	1,804	94.0	11.4	9,922,855	16.4	0.9	5.8	0.3
23 ROS	37,050	-7.3	-10.7	-54.0	21,030	568	27.0	46.9	1,392,613	28.6	3.6	13.6	7.3
24 BHN	83,500	-2.7	0.4	-21.2	19,355	232	0.9	31.4	1,144	30.1	5.1	17.3	6.7
25 TPB	25,550	1.6	0.0	-14.3	17,012	666	74.4	0.0	432,399	14.9	2.2	15.9	0.8
26 EIB	13,400	-2.9	-4.3	-11.6	16,474	1,229	83.8	0.1	241,301	12.2	1.1	9.4	0.9
27 PNJ	95,000	-10.2	-1.0	-22.1	15,403	162	64.1	0.0	529,919	17.5	4.6	30.0	19.2
28 HNG	16,350	6.2	7.6	88.1	14,500	887	42.0	56.3	1,688,871	N/A	1.3	-7.3	-2.5
29 SSI	28,300	-8.6	-6.6	-18.2	14,127	499	76.7	42.3	2,879,899	9.8	1.5	15.8	7.1
30 KDH	30,700	-7.0	8.5	-7.1	12,711	414	76.9	3.2	182,084	21.9	2.0	10.5	5.8
31 CTD	147,700	-5.4	-5.9	2.1	11,550	78	86.9	4.6	102,827	7.3	1.4	21.1	11.6
32 SBT	22,550	10.3	39.2	26.0	11,172	495	52.7	90.2	2,997,481	26.0	1.8	11.3	4.3
33 DHG	84,700	-7.7	-17.4	-18.6	11,074	131	22.1	50.8	135,454	21.0	3.8	18.3	14.6
34 GEX	25,900	-5.5	-12.2	-13.7	10,530	407	68.8	36.3	1,609,128	10.3	1.9	22.3	6.9
35 REE	31,150	-10.4	-8.5	-12.9	9,658	310	84.4	0.0	563,528	6.1	1.1	19.1	11.0
36 VHC	104,000	17.2	50.5	82.5	9,599	92	38.0	62.2	254,551	7.8	2.5	37.4	22.7
37 YEG	300,000	26.0	53.8	N/A	9,384	31	93.2	54.7	13,243	121.3	23.4	29.0	11.6
38 VCI	53,500	-12.3	-5.3	-29.2	8,720	163	66.1	58.6	131,430	12.5	2.9	30.5	13.9
39 DXG	24,650	-10.4	-9.7	-16.9	8,623	350	69.4	1.8	2,575,931	8.1	1.9	25.9	9.0
40 GMD	28,150	6.2	7.9	5.6	8,358	297	60.8	2.8	1,307,497	4.5	1.5	30.8	18.1
41 SCS	148,400	3.8	-13.5	N/A	7,418	50	99.1	33.5	13,952	22.8	8.8	40.8	35.2
42 NT2	25,700	-0.8	-4.8	-18.2	7,398	288	32.1	27.3	165,265	8.9	2.0	19.8	9.3
43 HCM	56,500	-11.6	-5.4	-16.9	7,320	130	66.7	38.0	160,358	9.3	2.4	27.8	15.1
44 TCH	20,450	-11.1	-29.0	-29.5	7,224	353	50.0	44.7	1,242,577	21.5	1.7	7.8	6.7
45 DPM	18,450	2.5	3.7	-3.9	7,220	391	40.2	27.9	568,695	12.4	0.9	8.1	5.9
46 PDR	26,500	1.7	6.0	-15.6	7,059	266	37.8	43.2	1,326,585	13.7	2.2	18.3	5.1
47 VPI	43,100	2.0	5.1	N/A	6,896	160	100.0	38.8	292,049	10.0	3.7	38.8	13.1
48 PVD	16,300	-10.7	-0.3	7.9	6,240	383	49.4	31.8	4,101,037	105.6	0.5	0.6	0.4
49 CII	25,200	-2.1	-3.1	-18.2	6,167	245	85.7	15.3	725,936	75.8	1.2	1.7	0.4
50 PAN	45,000	-16.8	-22.1	-28.0	6,007	133	46.7	53.9	70,628	26.5	1.7	6.4	2.7
51 NLG	28,300	-7.5	-2.9	-7.1	5,988	212	55.5	0.0	479,173	6.8	1.5	22.4	9.6
52 KBC	12,450	-1.2	3.8	-8.1	5,849	470	75.4	30.6	2,295,147	11.0	0.7	6.2	3.3
53 PPC	18,200	-3.2	0.6	-1.6	5,835	321	24.7	34.3	351,983	5.9	1.0	17.0	12.3
54 KDC	25,650	-1.3	-23.7	-28.8	5,275	206	36.7	27.5	122,260	N/A	0.9	-1.2	-0.6
55 LGC	27,000	-2.4	0.0	2.7	5,207	193	N/A	4.0	5	31.7	2.0	6.5	1.7
56 PME	69,000	-3.6	-2.1	-3.5	5,176	75	99.0	0.0	7,327	15.9	3.2	19.3	16.0
57 HAG	5,490	3.0	-27.1	5.6	5,091	927	63.8	40.6	3,450,857	N/A	0.4	-2.5	-0.7
58 DCM	9,550	-6.4	-13.2	-18.4	5,056	529	24.4	45.0	541,450	9.6	0.8	8.6	5.1
59 HT1	13,100	-2.2	11.0	-0.8	4,998	382	20.0	44.0	321,121	8.2	1.0	12.2	5.4
60 FRT	71,400	-3.5	-0.8	-20.7	4,855	68	92.1	0.7	10,813	17.3	6.1	42.9	6.8

Nguồn: Bloomberg 12/11/18

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi bộ phận Sales&Trading – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

VNDIRECT SALES & TRADING**Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT**

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : phong.sale.trading@vndirect.com.vnWebsite: <http://vndirect.com.vn>